

Số: 123^{AT}/QĐ-CVI

Hải Phòng, ngày 26 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA KHU VỰC I

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai tài chính đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 908/QĐ/TCCB-LĐ ngày 02/05/1996 và Quyết định số 3264/QĐ/TCCB-LĐ ngày 10/12/1996 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc thành lập "Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực I";

Căn cứ Thông báo số 1590/TB-CĐTNĐ ngày 22/7/2022 của Cục ĐTNĐ Việt Nam về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021 của Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực I (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Trưởng phòng, Trưởng đại diện có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục ĐTNĐ Việt Nam; (để b/c)
- Lưu: VT, P.TC.



Văn Trọng Dũng

Đơn vị: Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực I

Chương: 021

Biểu số 4

Thông tư số 90/2018/TT-BTC
ngày 28 tháng 9 năm 2018 của
Bộ Tài chính



QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số: 123A/QĐ-CVI ngày 26/7/2022 của Cảng vụ ĐTNĐ khu vực I)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	21,587	21,587	-	
1	Lệ phí	1,496	1,496	-	
	Lệ phí ra vào cảng bến thủy nội địa	1,496	1,496	-	
2	Phí	20,091	20,091	-	
	Phí bảo đảm hàng hải	619	619	-	
	Phí cảng vụ đường thủy nội địa	19,472	19,472	-	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
1	Chi sự nghiệp kinh tế đường thủy nội địa	11,563	11,563	-	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11,563	11,563	-	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	4,062	4,062	-	
1	Lệ phí	1,496	1,496	-	
	Lệ phí ra vào cảng bến thủy nội địa	1,496	1,496	-	
2	Phí	2,566	2,566	-	
	Phí bảo đảm hàng hải	619	619	-	
	Phí cảng vụ đường thủy nội địa	1,947	1,947	-	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	4,965	4,965		
6	Chi hoạt động kinh tế đường thủy nội địa	4,965	4,965		
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4,425	4,425		
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	540	540		